SỞ Y TẾ TP HỒ CHÍ MINH
BỆNH ᵎBỆNH VIỆN NHÂN DÂN GIA ĐỊNH

BẢNG GIÁ THU DỊCH VỤ NĂM 2019

STT	DANH MỤC KỸ THUẬT	GIÁ THU DỊCH VỤ	GIÁ THU BHYT THEO TT13
1	Khám bệnh theo chuyên khoa(Dịch vụ Nơ Trang Long)	150,000	38,700
2	Khám bệnh theo chuyên khoa(Dịch vụ Lầu 3)	120,000	38,700
3	Khám bệnh theo chuyên khoa(Tại khoa điều trị)	200,000	38,700
4	Điện Cơ	300,000	128,000
5	Điện não đồ	200,000	64,300
6	Điện tim	90,000	32,800
7	Điện tim gắng sức	350,000	201,000
8	Đo chức năng hô hấp.37	220,000	126,000
9	GPBL Nạo cổ tử cung bằng PP HE	450,000	328,000
10	GPBL Nạo lòng tử cung bằng PP HE	450,000	328,000
11	CEA.37	120,000	86,200
12	CK-MB.37	70,000	37,700
13	CRP - định lượng .37	80,000	53,800
14	CRP-Hs .37	80,000	53,800
15	Cyclosporine .37	350,000	323,000
16	CYFRA 21.1	140,000	96,900
17	Digoxine 37	120,000	86,200
18	Định lượng Acid Uric .37	40,000	21,500
19	Định lượng Albumine 37	40,000	21,500
20	Định lượng Amylase 37	40,000	21,500
21	Định lượng Glucose .37	40,000	21,500
22	Định lượng GOT	50,000	21,500
23	LDH.37	50,000	26,900
24	Lipase .37	70,000	59,200

STT	DANH MỤC KỸ THUẬT	GIÁ THU DỊCH VỤ	GIÁ THU BHYT THEO TT13
25	Myoglobin.37	100,000	91,600
26	Phenytoin .37	100,000	80,800
27	Pre- Albumine .37	120,000	96,900
28	Pro - GRP.37	360,000	349,000
29	Pro- BNP (N- terminal Pro B- Type natriuretic Peptd).37	420,000	408,000
30	Progesterol .37	120,000	80,800
31	Prolactin 37	100,000	75,400
32	Chụp cắt lớp vi tính ổ bụng khảo sát mạch máu khối u GAN có THUỐC (từ 64-128 dãy).43	2,400,000	1,701,000
33	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao có thuốc CQ (từ 1-32 dãy) chưa bao gồm thuốc	1,100,000	632,000
34	Chụp cắt lớp vi tính sọ não có dựng hình 3D(từ 64-128 dãy).43	2,400,000	1,701,000
35	Chụp cắt lớp vi tính sọ não có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy).43	2,400,000	1,701,000
36	Chụp cắt lớp vi tính sọ não không tiêm thuốc cản quang (từ 1 - 32 dãy)	700,000	522,000
37	Chụp cắt lớp vi tính tai - xương đá không tiêm thuốc (từ 64-128 dãy).43	1,500,000	1,446,000
38	Chụp cắt lớp vi tính tai- xương đá có tiêm thuốc cản quang(từ 64-128 dãy).43	2,400,000	1,701,000
39	Chụp cắt lớp vi tính thường quy BỤNG NGOẠI KHOA - KHÔNG THUỐC (Từ 1-32 dãy).43	700,000	522,000
40	Chụp cắt lớp vi tính tính điểm vôi hóa mạch vành(từ 64-128 dãy).43	2,400,000	1,701,000
41	Chụp cắt lớp vi tính tưới máu não (CT perfusion) (từ 64-128 dãy).43	2,400,000	1,701,000
42	Chụp cắt lớp vi tính TỤY thường quy CÓ THUỐC (từ 1-32 dãy).43	1,100,000	632,000
43	Chụp cắt lớp vi tính vùng cổ có tiêm thuốc cản quang (từ 1 -32 dãy)	1,100,000	632,000
44	Chụp cắt lớp vi tính vùng xoang mặt có khảo sất tưới máu - có thuốc cản quang (từ 64- 128 dãy).43	2,400,000	1,701,000
45	Chụp cộng hưởng từ khớp gối IV (+) P/Tcó cản từ	2,500,000	2,214,000
46	Chụp cộng hưởng từ khớp háng IV (+) có cản từ	2,500,000	2,214,000

STT	DANH MỤC KỸ THUẬT	GIÁ THU DỊCH VỤ	GIÁ THU BHYT THEO TT13
47	Chụp cộng hưởng từ khớp vai không cản từ	2,000,000	1,311,000
48	Chụp cộng hưởng từ phần mềm khác IV (+) có cản từ (BS ghi rõ bộ phận cần khảo sát)	2,500,000	2,214,000
49	Chụp cộng hưởng từ phổ não(spect tính rography) (0.2 1.5T).43	3,500,000	3,165,000
50	Chụp cộng hưởng từ tưới máu não(perfusion)(0.2 1.5T).43	2,500,000	2,214,000
51	Chụp cộng hưởng từ tuyến yên có tiêm chất tương phản(khảo sát động học)(0.2 1.5T).43	2,500,000	2,214,000
52	Chụp cộng hưởng từ Xương khớp cổ tay (không cản từ)	2,000,000	1,311,000
53	Chụp cộng hưởng từ bìu,dương vật (0.2-1.5T) không tiêm thuốc tương phãn .43	2,000,000	1,311,000
54	Chụp cộng hưởng từ bìu,dương vật có tiêm chất tương phản(0.2-1.5T).43	2,500,000	2,214,000
55	Chụp cộng hưởng từ cánh tay IV (+) có cản từ	2,500,000	2,214,000
56	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ có tiêm thuốc tương phản(0.2-1.5T).43	2,500,000	2,214,000
57	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ KHÔNG THUỐC TƯƠNG PHẢN (0.2-1.5T).43	2,000,000	1,311,000
58	Chụp cộng hưởng từ khớp gối P/T không thuốc	2,000,000	1,311,000
59	Chụp cộng hưởng từ lồng ngực có tiêm thuốc tương phản(0.2-1.5T).43	2,500,000	2,214,000
60	Chụp cộng hưởng từ lồng ngực(0.2-1.5T).43	2,000,000	1,311,000
61	Chụp cộng hưởng từ não-mạch não có tiêm chất tương phản(0.2 1.5T).43	2,500,000	2,214,000
62	Chụp cộng hưởng từ não-mạch não không tiêm chất tương phản(0.2 1.5T).43	2,000,000	1,311,000
63	Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi CÓ TIÊM THUỐC TƯƠNG PHẢN (0.2-1.5T).43	2,500,000	2,214,000
64	Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi KHÔNG THUỐC TƯƠNG PHẢN (0.2-1.5T).43	2,000,000	1,311,000
65	Chụp cộng hưởng từ sọ não có tiêm chất tương phản(0.2 1.5T).43	2,500,000	2,214,000
66	Chụp cộng hưởng từ tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng(bao gồm mạch:gan,mật ,tụy,lách và mạch khối u)(1.5T).43	2,500,000	2,214,000
67	Nội soi đại tràng (đã bao gồm thuốc bơm và uống mê) có sinh thiết	1,650,000	408,000

STT	DANH MỤC KỸ THUẬT	GIÁ THU DỊCH VỤ	GIÁ THU BHYT THEO TT13
68	Nội soi đại trực tràng ống mềm có sinh thiết . (Soi dưới gây mê)	1,650,000	408,000
69	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng ống mềm không sinh thiết [không gây mê + test HP nhanh]	500,000.00	244,000
70	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng ống mềm có sinh thiết [soi dưới gây mê - THEO YÊU CẦU]	910,000.00	433,000
71	Nội soi mũi xoang	200,000	40,000
72	Nội soi tai	200,000	40,000
73	Nội soi tai mũi họng	200,000	104,000
74	Nội soi thanh quản	200,000	40,000
75	Siêu âm bụng tổng quát Doppler (theo Yêu cầu)	150,000	43,900
76	Siêu âm bụng, bẹn (không doppler).43	150,000	43,900
77	Siêu âm cầu nối động tĩnh mạch (Thủ thuật loại 3).43	250,000	222,000
78	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt	90,000	43,900
79	Siêu âm đầu dò âm đạo + trực tràng (đo độ dài kênh cổ tử cung).37 (bệnh lý phụ khoa)	200,000	181,000
80	Siêu âm đầu dò âm đạo + trực tràng.37	200,000	181,000
81	Siêu âm đầu dò ngã âm đạo + trực tràng (đo độ dài kênh cổ tử cung).TẦM SOÁT	200,000	181,000
82	Siêu âm đầu dò qua ngã âm đạo	200,000	181,000
83	Siêu âm doppler mạch máu thai (bệnh lý thai)	250,000	222,000
84	Siêu âm doppler màu tim . 37	250,000	222,000
85	Siêu âm Doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây cuống rốn..) (Thủ thuật loại 3).43	250,000	222,000
86	Siêu âm doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn (Thủ thuật loại 3).43	150,000	43,900
87	Siêu âm Doppler tử cung phần phụ (thủ thuật loại 3).43	150,000	43,900
88	Siêu âm Doppler tuyến vú (thủ thuật loại 3).43	150,000	43,900

STT	DANH MỤC KỸ THUẬT	GIÁ THU DỊCH VỤ	GIÁ THU BHYT THEO TT13
89	Siêu âm Doppler u tuyến giáp, hạch vùng cổ (thủ thuật loại 3).43	150,000	43,900
90	Siêu âm khớp cổ tay hoặc cổ chân (không Doppler).43	150,000	43,900
91	Siêu âm khớp gối (không doppler).43	150,000	43,900
92	Siêu âm khớp háng (không doppler).43	150,000	43,900
93	Siêu âm khớp Khuỷu (không doppler).43	150,000	43,900
94	Siêu âm mạch máu 2 chi dưới	250,000	222,000
95	Siêu âm mạch máu 2 chi trên	250,000	222,000
96	Siêu âm màng phổi (không doppler).43	150,000	43,900
97	Siêu âm nhãn cầu .43	150,000	43,900
98	Siêu âm phần mềm (không Doppler).43	90,000	43,900
99	Chụp dạ dày tá tràng có thuốc cản quang số hóa.37	350,000	224,000
100	Chụp X.Quang đường mật qua kehr (chưa bao gồm thuốc) (Thủ thuật loại 3)	450,000	240,000
101	chụp X.Quang khung chậu thẳng / nghiêng số hóa	100,000	65,400
102	CHụp Xquang Blondeau.43	100,000	65,400
103	Chụp Xquang bụng đứng (số hóa 1 phim)	100,000	65,400
104	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng(Chụp X-quang số hóa 1 phim)	100,000	65,400
105	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2(Chụp X-quang số hóa 2 phim)	150,000	65,400
106	Chụp Xquang cột sống cổ chếch hai bên(Chụp X-quang số hóa 2 phim)	150,000	65,400
107	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế(Chụp X-quang số hóa 3 phim)	200,000	65,400

STT	DANH MỤC KỸ THUẬT	GIÁ THU DỊCH VỤ	GIÁ THU BHYT THEO TT13
108	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng(Chụp X-quang số hóa 2 phim)	150,000	65,400
109	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng (Số hóa 2 phim).43	150,000	65,400

Ngày tháng năm 2019

Giám đốc